

Số: 84/QĐ-CDN

Hà Nội, ngày 17 tháng 02 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về chế độ thông tin báo cáo đối với các Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam

BAN THƯỜNG VỤ CÔNG ĐOÀN GTVT VIỆT NAM

- Căn cứ Điều lệ Công đoàn Việt Nam;
- Căn cứ Quyết định số 1012/QĐ-TLĐ ngày 19/8/2011 của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam ban hành Quy định về chế độ báo cáo đối với Liên đoàn Lao động tỉnh, thành phố, Công đoàn ngành Trung ương, Công đoàn Tổng Công ty và các ban, đơn vị trực thuộc Tổng Liên đoàn;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Theo đề nghị của Văn phòng Công đoàn GTVT Việt Nam.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy định về chế độ thông tin báo cáo đối với các Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Quyết định này thay thế Quyết định số 295/QĐ/TTBC-VP ngày 25/5/2004 của Ban Thường vụ Công đoàn GTVT Việt Nam.

Điều 3. Các Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc, các ban Công đoàn GTVT Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- TLĐ LĐVN (b/c);
- Đ/c Chủ tịch, các PCT CDN;
- Các ban CDN;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu VP.

TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH
B.C.H
CÔNG ĐOÀN
GIAO THÔNG VẬN TẢI
VIỆT NAM
Đỗ Nga Việt

QUY ĐỊNH

Về chế độ thông tin, báo cáo

(Ban hành kèm theo Quyết định số 84/QĐ-CDN ngày 17 tháng 02 năm 2014 của Ban Thường vụ Công đoàn GTVT Việt Nam)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Chế độ thông tin, báo cáo là một nội dung quan trọng không thể thiếu trong hoạt động của Công đoàn các cấp trong toàn ngành GTVT.

Điều 2. Chế độ thông tin, báo cáo trong tổ chức Công đoàn phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Thông tin, báo cáo phải bảo đảm tính toàn diện, khách quan, cụ thể, chính xác và kịp thời đúng thời gian quy định.

- Nội dung thông tin, báo cáo phải ngắn gọn, rõ ràng và có số liệu minh họa, so sánh.

- Thông tin báo cáo phải đảm bảo đúng thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản theo quy định tại quyết định số 1014/QĐ-TLĐ ngày 19/8/2011 của Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

Điều 3. Chủ tịch Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc, Trưởng các ban Công đoàn GTVT Việt Nam chịu trách nhiệm chỉ đạo và thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo đúng quy định.

Chương II

CÁC LOẠI THÔNG TIN, BÁO CÁO, THỜI HẠN BÁO CÁO

Điều 4. Báo cáo định kỳ.

* Các loại báo cáo định kỳ bao gồm:

- Báo cáo quý I;
- Báo cáo 6 tháng;
- Báo cáo quý III;
- Báo cáo năm .

* **Kết cấu nội dung báo cáo thống nhất như sau:**

I. Nêu những nét chính về tình hình, kết quả công tác và sản xuất kinh doanh, tình hình về CNVCLĐ của đơn vị.

II. Kết quả hoạt động Công đoàn (Kèm theo Phụ lục).

III. Đánh giá chung (ưu điểm, khuyết điểm, nguyên nhân).

IV. Nhiệm vụ và các giải pháp chủ yếu thời gian tới.

V. Những đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Điều 5. Báo cáo chuyên đề.

- Báo cáo chuyên đề là những báo cáo đi sâu vào nội dung chuyên đề của phong trào CNVC và hoạt động Công đoàn, ví dụ như: phong trào thi đua, đại hội CBCC, Hội nghị Người lao động, công tác tổ chức cán bộ, công tác phát triển đoàn viên, công tác nữ công...

- Báo cáo kết quả nghiên cứu chuyên đề hoặc kết quả thực hiện Nghị quyết, Chỉ thị, Chương trình, Kết luận... của Tổng Liên đoàn, Công đoàn Ngành.

Báo cáo chuyên đề do các Công đoàn cấp trên cơ sở, các ban Công đoàn GTVT Việt Nam hướng dẫn thực hiện, các cấp Công đoàn có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh các báo cáo chuyên đề theo đúng hướng dẫn.

Điều 6. Báo cáo đột xuất.

Báo cáo đột xuất là những vấn đề:

- Có liên quan đến tư tưởng của CNVCLĐ như lãn công, đình công, kiện cáo, mất đoàn kết nội bộ, những vấn đề phức tạp, nhạy cảm, những sự việc xảy ra cần xin ý kiến chỉ đạo kịp thời của Ban Thường vụ Công đoàn GTVT Việt Nam.

- Có liên quan đến tình hình SXKD của đơn vị, ngành như thiên tai, hỏa hoạn, địch họa, tai nạn lao động, tai nạn nghiêm trọng...

- Có liên quan tới hoạt động Công đoàn như tổ chức các hoạt động lớn, thời gian dài ngày, số lượng đông người, địa bàn xa...

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cấp trên hoặc những vấn đề thấy cần báo cáo, xin ý kiến cấp trên.

Điều 7. Báo cáo số liệu thống kê, khảo sát.

- Báo cáo số liệu thống kê về công tác tổ chức, CSPL và kết quả hoạt động công đoàn kèm theo báo cáo quý, 6 tháng và báo cáo năm theo Quy định của Công đoàn Ngành.

- Báo cáo số liệu thống kê theo chuyên đề và nội dung khác theo yêu cầu của Công đoàn Ngành.

Điều 8. Thời hạn gửi báo cáo.

- Báo cáo quý: Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc gửi về Công đoàn GTVT Việt Nam trước ngày 20 của tháng cuối quý.

- Báo cáo 6 tháng và tổng kết năm: Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc gửi về Công đoàn GTVT Việt Nam trước ngày 10 tháng 6 và ngày 10 tháng 12.

(Có thể gửi báo cáo nhanh rồi gửi báo cáo chính thức sau hoặc gửi qua email: congdoangtvt@mt.gov.vn).

- Báo cáo chuyên đề, báo cáo số liệu gửi ngay sau khi kết thúc các công việc đã được thực hiện hoặc theo thời hạn ghi trong văn bản yêu cầu báo cáo.

- Báo cáo đột xuất: Chủ tịch Công đoàn cơ sở và cấp trên cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam chịu trách nhiệm báo cáo những thông tin đột xuất nêu trên trong khoảng thời gian 6 giờ kể từ khi sự việc xảy ra bằng điện thoại tới

Chủ tịch và Phó Chủ tịch Công đoàn cấp trên trực tiếp, sau đó báo cáo bằng văn bản chính thức.

Chương III KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 9. Các đơn vị thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo sẽ được các cấp Công đoàn khen thưởng vào dịp cuối năm như các mặt công tác khác của Công đoàn.

Điều 10. Các đơn vị không thực hiện tốt công tác thông tin, báo cáo sẽ bị trừ điểm và hạ mức khen thưởng thi đua hàng năm.

Các đối tượng tại điều 3 trong quy định này có trách nhiệm thực hiện công tác thông tin, báo cáo, nếu không hoàn thành sẽ xem xét đến các danh hiệu thi đua khen thưởng hàng năm và các chế độ chính sách khác đối với cán bộ. Nếu thường xuyên không hoàn thành sẽ xử lý kỷ luật theo quy định của Điều lệ Công đoàn Việt Nam.

Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Trưởng các ban Công đoàn GTVT Việt Nam, Chủ tịch Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc Công đoàn GTVT Việt Nam có trách nhiệm triển khai thực hiện nghiêm chỉnh quy định này.

Điều 12. Văn phòng Công đoàn GTVT Việt Nam, Ban Thường vụ Công đoàn cấp trên cơ sở và cơ sở trực thuộc có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, triển khai thực hiện quy định này. Trong quá trình thực hiện có điều gì chưa hợp lý phản ánh về Công đoàn GTVT Việt Nam để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

Nơi nhận:

- CT, PCT CDN;
- Các ban CDN;
- Các CD trực thuộc;
- Lưu VP.

**TM. BAN THƯỜNG VỤ
CHỦ TỊCH**



Đô Nga Việt

CÔNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM
 CÔNG ĐOÀN.....

PHỤ LỤC SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
Quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm (Đối với Công đoàn cấp trên cơ sở)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I. SỐ LIỆU CƠ BẢN			
1	Tổng số CNVCLĐ Trong đó: Nữ	Người Người	
	- Khối hành chính, sự nghiệp	Nt	
	- Khối DN Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần Nhà nước nắm phần vốn chi phối (51% trở lên)	Nt	
	- Khối DN Công ty cổ phần Nhà nước không chi phối	Nt	
	- Khối DN có vốn đầu tư nước ngoài	Nt	
2	Về Công đoàn cơ sở và đoàn viên		
2.1	Tổng số Công đoàn cơ sở	CĐ cơ sở	
	- Khối hành chính, sự nghiệp	Nt	
	- Khối DN Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần Nhà nước nắm phần vốn chi phối (51% trở lên)	Nt	
	- Khối DN Công ty cổ phần Nhà nước không chi phối	Nt	
	- Khối DN có vốn đầu tư nước ngoài	Nt	
2.2	Tổng số đoàn viên Trong đó: Nữ	Đoàn viên Đoàn viên	
	- Khối hành chính, sự nghiệp	Nt	
	- Khối DN Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần Nhà nước nắm phần vốn chi phối (51% trở lên)	Nt	
	- Khối DN Công ty cổ phần Nhà nước không chi phối	Nt	
	- Khối DN có vốn đầu tư nước ngoài	Nt	
II. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN CƠ SỞ			
1	Tổng số CĐCS phát triển mới	CĐCS	
	- Khối hành chính, sự nghiệp	Nt	
	- Khối DN Công ty TNHH một thành viên, Công ty cổ phần Nhà nước nắm phần vốn chi phối (51% trở lên)	Nt	
	- Khối DN Công ty cổ phần Nhà nước không chi phối	Nt	
	- Khối DN có vốn đầu tư nước ngoài	Nt	
2	Phát triển đoàn viên		
	- Chuyên đến	Đoàn viên	

	- Phát triển mới	Nt	
	- Chuyển đi và giảm khác	Nt	
3	Phân loại Công đoàn cơ sở		
	- CĐCS VMXS	%	
	- CĐCS VM	Nt	
	- CĐCS khá	Nt	
	- CĐCS TB	Nt	
4	Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ		
	- Đào tạo (ĐH và trên ĐH): + Công đoàn	Người	
	+ Chuyên môn	Nt	
	- Đại học phân	Nt	
	- Cử nhân, cao cấp lý luận chính trị	Nt	
	- Trung cấp lý luận chính trị	Nt	
	- Tin học, ngoại ngữ	Nt	
	- Bồi dưỡng chế độ, chính sách, pháp luật	Nt	
	- Tập huấn nghiệp vụ Công đoàn	Nt	
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	đồng	
5	Một số chỉ tiêu khác		
	- Tỷ lệ phát thẻ đoàn viên	%	
	- Tỷ lệ Công đoàn cơ sở có quy chế hoạt động của BCH, BTV, UBKT	%	
	- Tỷ lệ Công đoàn cơ sở có quy chế phối hợp hoạt động với cơ quan chuyên môn đồng cấp	%	
III. VIỆC LÀM, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI			
1	Về việc làm		
	- Tỷ lệ CNLĐ thiếu việc làm thường xuyên	Người/%	
	- Tỷ lệ CNLĐ thiếu việc làm không thường xuyên	Người/%	
2	Về tiền lương		
	- Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	Đồng	
3	Ký hợp đồng lao động, thoả ước LĐ		
	- Tỷ lệ CNLĐ được ký HĐLĐ	Người/%	
	- Tỷ lệ số đơn vị ký TULĐTT	DN/%	
4	Đóng BHXH, BHYT, BHTN		
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHXH	Người/%	
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHYT	Người/%	
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHTN	Người/%	
5	Công tác ATVSLĐ		

	- Số cơ sở được kiểm tra	Đơn vị	
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	
	Trong đó: + Số vụ TNLĐ nặng	Nt	
	+ Số vụ TNLĐ chết người	Nt	
	+ Số người chết	Người	
	- Số người mắc bệnh nghề nghiệp	Người	
6	Thực hiện quy chế dân chủ		
	- Số cơ quan, đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCC/Tỷ lệ %	Đơn vị/%	
	- Số DN tổ chức Hội nghị NLĐ/Tỷ lệ %	DN/%	
7	Hoạt động xã hội		
	- Quỹ xã hội: + Tổng số thu + Tổng số chi	Tr.đồng Tr.đồng	
	- Tổng số người được hỗ trợ từ Quỹ xã hội	Người	
	- Tổng số tiền	Tr.đồng	
	- Số CNLĐ được hỗ trợ xây nhà "Mái ấm Công đoàn" Trong đó: + Công đoàn Ngành hỗ trợ + Đơn vị hỗ trợ	Nhà/số tiền Nhà/số tiền Nhà/số tiền	
IV. CÔNG TÁC THI ĐUA			
1	Sáng kiến		
	- Đăng ký thực hiện	Sáng kiến	
	- Đã hoàn thành	Nt	
	- Giá trị làm lợi	Tỷ đồng	
	- Tiền thưởng	Nt	
2	Công trình sản phẩm thi đua		
	- Số công trình, sản phẩm	CT, SP	
V. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC, PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN			
	- Giáo dục chính trị tư tưởng, đường lối chủ trương của Đảng (NQĐHXI)	Số lượt người	
	- Giáo dục pháp luật (Lao động, ATGT, ATVSLĐ-PCCN)	Nt	
	- Giáo dục nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp	Nt	
	- Giáo dục truyền thống giai cấp công nhân, ngành GTVT, Công đoàn GTVT Việt Nam	Nt	
	- Giáo dục xây dựng con người mới, phòng chống TNXH	Nt	
	- Hoạt động VH TT, Hội thao, Hội diễn. Hội thi ATGT	Nt	
	- Phát triển đảng viên mới	Người	
	Trong đó: - Nữ	Nt	

VI. CÔNG TÁC KHÁC: NỮ CÔNG, KIỂM TRA, TÀI CHÍNH

1	Công tác nữ công		
	- Số nữ được đề bạt trong năm	Người	
	Trong đó: + Lãnh đạo cấp Cục, Vụ, Viện	Nt	
	+ Tổng giám đốc, Phó TGD	Nt	
	+ Giám đốc, Phó giám đốc	Nt	
	+ Trưởng, phó phòng ban	Nt	
	- Thăm hỏi và trợ cấp khó khăn cho nữ CNVCLĐ	Người/ Số tiền	
	- Thăm hỏi và trợ cấp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Cháu/ Số tiền	
	- Tổ chức ngày 1/6, Trung thu	Số tiền	
	- Tặng quà cho các cháu học sinh giỏi	Số tiền	
2	Kiểm tra việc thực hiện điều lệ CĐ, tài chính CĐ, giải quyết khiếu nại, tố cáo		
	- Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện ĐLCĐ, TCCĐ	Cuộc	
	- Số lượt người đến khiếu nại, tố cáo	Người	
	- Số đơn khiếu nại, tố cáo	Đơn	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền CĐ giải quyết	Nt	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền CĐ đã giải quyết	Nt	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước và tổ chức khác	Nt	
	- Số đơn đã được Công đoàn tham gia giải quyết	Nt	
3	Tài chính Công đoàn		
	- Kết quả thực hiện kế hoạch thu NSCĐ đạt	%	
	- Nộp nghĩa vụ cấp trên	%	
	- Thời gian nộp b/c dự toán, quyết toán đúng quy định	Có/Không	
	- Hàng năm có tổ chức tổng kết công tác tài chính công đoàn không	Có/Không	

CÔNG ĐOÀN GIAO THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM
CÔNG ĐOÀN.....

PHỤ LỤC SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG CÔNG ĐOÀN
Quý I, 6 tháng, 9 tháng và năm (Đối với Công đoàn cơ sở)

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
I. SỐ LIỆU CƠ BẢN			
1	Tổng số CNVCLĐ Trong đó: Nữ	Người Người	
2	Tổng số đoàn viên Trong đó: Nữ	Đoàn viên Đoàn viên	
II. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN ĐOÀN VIÊN			
1	Phát triển đoàn viên		
	- Chuyển đến	Đoàn viên	
	- Phát triển mới	Nt	
	- Chuyển đi và giảm khác	Nt	
2	Phân loại Công đoàn cơ sở		
	- CĐ bộ phận (Tổ CĐ) VMXS	%	
	- CĐ bộ phận (Tổ CĐ) VM	Nt	
	- CĐ bộ phận (Tổ CĐ) Khá	Nt	
	- CĐ bộ phận (Tổ CĐ) TB	Nt	
3	Công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ		
	- Đào tạo (ĐH và trên ĐH): + Công đoàn + Chuyên môn	Người Nt	
	- Đại học phần	Nt	
	- Cử nhân, cao cấp lý luận chính trị	Nt	
	- Trung cấp lý luận chính trị	Nt	
	- Tin học, ngoại ngữ	Nt	
	- Bồi dưỡng chế độ, chính sách, pháp luật	Nt	
	- Tập huấn nghiệp vụ Công đoàn	Nt	
	- Kinh phí đào tạo, bồi dưỡng	đồng	
III. VIỆC LÀM, TIỀN LƯƠNG, QUAN HỆ LAO ĐỘNG VÀ HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI			
1	Về việc làm		
	- Tỷ lệ CNLĐ thiếu việc làm thường xuyên	Người/%	

	- Tỷ lệ CNLĐ thiếu việc làm không thường xuyên	Người/%	
2	VỀ TIỀN LƯƠNG		
	- Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	Đồng	
3	Ký hợp đồng lao động, thoả ước LĐ		
	- Tỷ lệ CNLĐ được ký HĐLĐ	Người/%	
	- Tỷ lệ số đơn vị ký TULĐTT	DN/%	
4	ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN		
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHXH	Người/%	
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHYT	Người/%	
	- Tỷ lệ CNLĐ đã đóng BHTN	Người/%	
5	Công tác ATVSLĐ		
	- Số cơ sở được kiểm tra	Đơn vị	
	- Tổng số vụ tai nạn lao động	Vụ	
	Trong đó: + Số vụ TNLĐ nặng	Nt	
	+ Số vụ TNLĐ chết người	Nt	
	+ Số người chết	Người	
	- Số người mắc bệnh nghề nghiệp	Người	
6	Thực hiện quy chế dân chủ		
	- Đơn vị đã tổ chức Hội nghị CBCC	Có/Chưa	
	- Đơn vị đã tổ chức Hội nghị NLĐ	Có/Chưa	
7	Hoạt động xã hội		
	- Quỹ xã hội: + Tổng số thu	Tr.đồng	
	+ Tổng số chi	Tr.đồng	
	- Tổng số người được hỗ trợ từ Quỹ xã hội	Người	
	- Tổng số tiền	Tr.đồng	
	- Số CNLĐ được hỗ trợ xây nhà "Mái ấm Công đoàn"	Nhà/số tiền	
	Trong đó: + Công đoàn ngành hỗ trợ	Nhà/số tiền	
	+ Đơn vị hỗ trợ	Nhà/số tiền	
IV. CÔNG TÁC THI ĐUA			
1	Sáng kiến		
	- Đăng ký thực hiện	Sáng kiến	
	- Đã hoàn thành	Nt	
	- Giá trị làm lợi	Tỷ đồng	
	- Tiền thưởng	Nt	

2	Công trình sản phẩm thi đua		
	- Số công trình, sản phẩm	CT, SP	
V. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN GIÁO DỤC, PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN			
	- Giáo dục chính trị tư tưởng, đường lối chủ trương của Đảng (NQĐHXXI)	Số lượt người	
	- Giáo dục pháp luật (Lao động, ATGT, ATVSLĐ-PCCN)	Nt	
	- Giáo dục nâng cao trình độ học vấn, nghề nghiệp	Nt	
	- Giáo dục truyền thống giai cấp công nhân, ngành GTVT, Công đoàn GTVT Việt Nam	Nt	
	- Giáo dục xây dựng con người mới, phòng chống TNXH	Nt	
	- Hoạt động VH TT, Hội thao, Hội diễn. Hội thi ATGT	Nt	
	- Phát triển đảng viên mới	Người	
	Trong đó: - Nữ	Nt	
VI. CÔNG TÁC KHÁC: NỮ CÔNG, KIỂM TRA, TÀI CHÍNH			
1	Công tác nữ công		
	- Số nữ được đề bạt trong năm	Người	
	Trong đó:		
	+ Giám đốc, Phó giám đốc	Nt	
	+ Trưởng, phó phòng ban	Nt	
	- Thăm hỏi và trợ cấp khó khăn cho nữ CNVCLĐ	Người/ Số tiền	
	- Thăm hỏi và trợ cấp trẻ em có hoàn cảnh khó khăn	Cháu/ Số tiền	
	- Tổ chức ngày 1/6, Trung thu	Số tiền	
	- Tặng quà cho các cháu học sinh giỏi	Số tiền	
2	Kiểm tra việc thực hiện điều lệ CĐ, tài chính CĐ, giải quyết khiếu nại, tố cáo		
	- Tổng số cuộc kiểm tra thực hiện ĐLCĐ, TCCĐ	Cuộc	
	- Số lượt người đến khiếu nại, tố cáo	Người	
	- Số đơn khiếu nại, tố cáo	Đơn	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền CĐ giải quyết	Nt	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền CĐ đã giải quyết	Nt	
	- Số đơn thuộc thẩm quyền của cơ quan Nhà nước và tổ chức khác	Nt	
	- Số đơn đã được Công đoàn tham gia giải quyết	Nt	

3	Tài chính Công đoàn		
	- Kết quả thực hiện kế hoạch thu NSCĐ đạt	%	
	- Nộp nghĩa vụ cấp trên	%	
	- Tổ chức công tác kế toán công đoàn độc lập hay nhờ chuyên môn	Có/Không	
	- Thời gian nộp b/c dự toán, quyết toán đúng quy định	Có/Không	
	- Hàng năm có tổ chức tổng kết công tác tài chính công đoàn không	Có/Không	